

Bản án số: **18/2020/HS-ST**

Ngày 21 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Nguyễn Thị Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 tại huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình N và bà Đinh Thị H; chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt tại phiên tòa*).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị Lan - Luật sư, Văn phòng Luật sư Bùi Lan, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số nhà 118, tổ 06, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

- Bị hại: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1972 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam

- Người làm chứng:

1. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1963 (*vắng mặt*);

2. Ông Vũ Hồng K, sinh năm 1960 (*có mặt*);

Đều trú tại: Tổ 11, phường Đ, TP. T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1960 (*vắng mặt*);

Nơi cư trú: Tổ 16, phường A, TP. T, tỉnh Tuyên Quang.

4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967 (có mặt);
 5. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1967 (có mặt);
 6. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967 (vắng mặt);
- Đều trú tại: Tổ 10, phường Đ, TP. T, tỉnh Tuyên Quang.
7. Ông Nguyễn Tiến V, sinh năm 1962 (có mặt);
 8. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (có mặt);
- Đều trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam.
9. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
- Nơi cư trú: Khu 6, phường H, TP. M, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 1989 Nguyễn Thị H, cư trú tại thôn ĐV (nay là thôn Đ), xã L, huyện B và anh Vũ Văn T, cư trú tại thôn V (nay là thôn Tr), xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Hà Nam) chung sống với nhau như vợ chồng. Tháng 7/1989 H cùng anh T lên tỉnh Hà Tuyên (nay là tỉnh Tuyên Quang) làm công nhân tại đội 18, Xí nghiệp Nông công nghiệp Chè, thuộc thôn 18, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Tuyên (nay là tổ 12, phường Đ, thành phố Tuyên Quang), H và anh T được phân ở tại một gian nhà tập thể của đội. Quá trình chung sống do nghi ngờ H có quan hệ tình cảm với người khác, nên giữa hai người thường xảy ra mâu thuẫn, anh T nhiều lần đánh, chửi và đuổi H.

Chiều ngày 13/12/1989, do ghen tuông nên anh T đã chửi và đuổi H ra khỏi nhà, H đi loanh quanh khu vực của xí nghiệp, đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì quay về, thấy anh T đang ở nhà nhưng hai người không nói chuyện với nhau. Cùng lúc đó anh T đi ra ngoài mua dầu hỏa về thắp đèn, H ở nhà một mình, nghĩ đến việc bị anh T ghen tuông vô cớ, thường đánh chửi và đuổi nên đã nảy sinh ý định dùng thuốc trừ sâu để đầu độc cho anh T chết. H đi vào bếp thấy có 01 nồi cơm và 01 nồi cá kho đang vẫn cạnh kiềng bếp do anh T đã nấu trước đó và 01 túi ni lon chứa thuốc trừ sâu PaDan để trên hàng gạch sát vách cạnh bếp, H dùng tay phải mở miệng túi lấy một nhúm thuốc PaDan (thuốc dạng bột màu xanh nhạt), tay trái mở vung nồi cơm, rắc thuốc trừ sâu vào nồi cơm rồi đậy vung lại. Sau đó H đi lên nhà lấy quần áo cho vào vali bỏ đi, khi ra đến cửa, H gặp anh T đi mua dầu về, H không nói gì mà đi bộ đến nhà chị Vũ Thị T (chị gái ruột anh T) cách xí nghiệp Nông công nghiệp Chè khoảng 200m, thấy H đến chị T hỏi đi đâu thì H nói bị anh T đánh và đuổi đi. Sau đó H ở lại ăn cơm tối cùng gia đình chị T.

Sau khi H đi, anh T vào bếp lấy cơm và cá kho cho vào bát rồi mang lên phản trên nhà ngồi ăn, lúc này có anh Đặng Văn S, hiện nay cư trú ở tổ 10, phường Đ, thành phố Tuyên Quang và anh Đào Ngọc H (không xác định được địa chỉ) là bạn của anh T đến chơi, thấy anh T ăn cơm nên anh H đi ra ngoài, chỉ còn anh S và anh T ở trong nhà. Anh T ăn được khoảng 2 đến 3 miếng cơm thì thấy cơm

đăng và hoa mắt, chóng mặt làm đồ bát cơm xuống nền nhà, 02 con chó của gia đình anh T đến ăn cơm và chết tại chỗ, còn anh T bị nôn rồi ngất đi, được anh S và mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Chè Tuyên Quang, 03 ngày sau thì được ra viện.

Nhận được tin báo, anh Ngô Quang T (Bảo vệ của xí nghiệp) đến nhà chị T tìm và nói với H việc anh T bị ngất, H biết anh T đã ăn phải thuốc trừ sâu do H cho vào nồi cơm. Anh T đưa H đến phòng bảo vệ của xí nghiệp làm việc, H đã khai nhận việc bỏ thuốc trừ sâu vào nồi cơm để đầu độc anh T nên anh T đã lập biên bản lấy lời khai đối với H, rồi H đưa anh T và mọi người về nhà chỉ vị trí để gói thuốc trừ sâu để anh T thu giữ, sau đó H đã bỏ đi và trốn sang Trung Quốc. Ngày 06/6/1990 Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định truy nã, đến ngày 19/12/2019 H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại phiếu phân tích chất độc ngày 24/3/1990 của Viện kiểm nghiệm Bộ Y tế, kết luận:

- Chất bột màu xanh nhạt là 1 chất hữu cơ có độc tính cao gây chết chuột thí nghiệm (100%) vì không có mẫu đối chứng nên ko thể phân tích tiếp.
- Chất bột tinh thể màu trắng là nutri Clorast.
- Trong cơm ăn dở và chất chứa trong dạ dày chó có tìm thấy chất độc là chất bột màu xanh nhạt.
- Trong cá khô (đã chín và chưa chín) không tìm thấy có chất độc thường gặp như đã ghi ở phân tích.

Tại Kết luận giám định số 419/GĐ-KTHS ngày 05/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H dưới mục “Đương sự” trên mẫu cần giám định ký hiệu A (tại biên bản ghi lời khai ngày 13/12/1989) với chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H trên mẫu so sánh (bản tự viết tay các ngày 19 và 21/12/2019 và 14/01/2020) ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết.

Tại Bản cáo trạng số 22/CT-VKS-P2 ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Phản tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H như nội dung cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Giết người”.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại Vũ Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Quá trình khám nghiệm hiện trường hồi 9h ngày 16/12/1989 Cơ quan điều tra đã thu giữ: Thức ăn trong dạ dày 02 con chó bị chết; 01 gói cá khô; 01 ít cơm và 02 miếng cá khô trong nồi; thu trên mái bếp 01 gói bột màu trắng; Vật chứng do Ngô Quang T (bảo vệ Xí nghiệp Nông công nghiệp Chè) thu giữ và bàn giao cho Cơ quan điều tra gồm: 01 khối thuốc PaDan và 01 khối thuốc kích thích (số vật chứng trên một phần sử dụng phục vụ việc giám định; số mẫu vật còn lại do vụ án xảy ra đã lâu nên đã bị phân hủy) do vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ Kiểm sát viên đã đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử về nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo, bị hại cũng có một phần lỗi, thời gian xảy ra vụ án đã lâu nên tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã giảm đi đáng kể, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Thị H nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện lao động trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 13/12/1989 tại khu tập thể đội 18, Xí nghiệp Nông công nghiệp Chè, thuộc thôn 18, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Tuyên (nay là tổ 12, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang). Nguyễn Thị H, cư trú tại Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam do thường xuyên bị anh Vũ Văn T (chung sống với H như vợ chồng) cư trú tại thôn Tr, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam đánh, chửi và đuổi đi nên đã có hành vi dùng thuốc trừ sâu PaDan cho vào nồi cơm để đầu độc anh T, nhưng do được cấp cứu kịp thời nên anh T không chết. Sau đó H

bỏ trốn, đến ngày 19/12/2019 H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đầu thú.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã có hành vi dùng thuốc trừ sâu PaDan là chất độc lén bỏ vào nồi cơm nhằm tước đoạt tính mạng của anh Vũ Văn T, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình, nhưng coi thường tính mạng của người khác; bị cáo phạm tội do lỗi cố ý, hậu quả anh T không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo về tội Giết người theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do điều kiện kinh tế xã hội thời điểm năm 1989 rất khó khăn, bị cáo tuy đã học xong lớp 12 nhưng nhận thức pháp luật còn hạn chế, được bị hại (anh T) đưa đến làm công nhân tại Xí nghiệp Nông công nghiệp Chè, thuộc thôn 18, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Tuyên khi tuổi đời còn rất trẻ, không có người thân, cuộc sống khó khăn, quá trình chung sống do anh T ghen nên bị cáo thường xuyên bị đánh chửi và đuổi đi, mâu thuẫn tình cảm không được hòa giải nên đã có hành vi đầu độc anh T bằng thuốc trừ sâu PaDan.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Đình N được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; bị hại có lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét nhân thân, tính chất mức độ, điều kiện hoàn cảnh phạm tội và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức án như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về luận cứ bào chữa của Luật sư và đề nghị của bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội trong khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo biết được hành vi của mình có thể làm bị hại chết nên đã bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra lệnh truy nã bị cáo, do đó bị cáo không đủ điều kiện để cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 18/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của luật sư và của bị cáo xin được hưởng án treo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra bị hại Vũ Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh T tiếp tục không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình khám nghiệm hiện trường hồi 9h ngày 16/12/1989 Cơ quan điều tra đã thu giữ: Thức ăn trong dạ dày 02 con chó bị chết; 01 gói cá khô; 01 ít cơm và 02 miếng cá khô trong nồi; thu trên mái bếp 01 gói bột màu trắng; số vật chứng do ông Ngô Quang T (bảo vệ Xí nghiệp Nông công nghiệp Chè) thu giữ và bàn giao cho Cơ quan điều tra gồm: 01 khối thuốc PaDan và 01 khối thuốc kích thích. Số vật chứng trên một phần sử dụng phục vụ việc giám định; số mẫu vật còn lại do vụ án xảy ra đã lâu nên đã bị phân hủy, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Giết người”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H **02 (hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/8/2020; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Sơn